

**TÒA ÁN NHÂN D
HUYỆN QUỲNH PHỤ
TỈNH THÁI BÌNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh P

Bản án số: 58/2018/HS-ST

Ngày: 19- 7- 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN D HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Hùng

Các Hội thẩm nhân D:

1- Ông Nguyễn Văn Diệu

2- Bà Phạm Hải Yến

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Hạnh- Thư ký Toà án nhân D huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân D huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Hương- Kiểm sát viên

Ngày 19 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân D huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 47/2018/HSST ngày 12 tháng 6 năm 2018, quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/HSST- QĐXX ngày 05 tháng 7 năm 2018 đối với các bị cáo:

1- Hoàng Ngọc C, sinh ngày 20/8/1989 tại xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình. Nơi cư trú: Thôn B, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 10/12; D tộc: Kinh; bố đẻ: Ông Hoàng Ngọc H, sinh năm 1958, mẹ đẻ: Bà Phạm Thị L, sinh năm 1964; vợ: Chị Phạm Thị U, sinh năm 1990, con: có 01 con sinh năm 2010; tiền sự: Không.

Tiền án: Bản án số 07/2016/HSST ngày 22/01/2016 của Tòa án nhân D huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xử phạt Hoàng Ngọc C 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Ngày 13/7/2017 chấp hành xong hình phạt tù. Hiện chưa được xóa án tích.

Nhân thân: Ngày 18/4/2006 đi trường giáo dưỡng số 2 tại tỉnh Ninh Bình, thời hạn 16 tháng theo quyết định số 01 ngày 18/4/2006 của Chủ tịch UBND tỉnh Thái Bình vì có hành vi trộm cắp tài sản. Tại bản án số 22/2007/HSST ngày 08/6/2007 Tòa án nhân D huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xử phạt Hoàng Ngọc C 06 tháng tù về tội trộm cắp tài sản. Ngày 08/2/2008 chấp hành xong hình phạt tù. Tại bản án số

137/2008/HSST ngày 27/10/2008 Tòa án nhân D tỉnh Thái Bình xử phạt Hoàng Ngọc C 03 năm tù về tội Cướp tài sản. Ngày 30/8/2010 được đặc xá. Hiện đã được xóa án tích.

Ngày 12/01/2012 đi cơ sở giáo dục Thanh Hà thời 24 tháng đến 13/01/2014 chấp hành xong (hiện được xóa tiền sự).

Bị bắt tạm giam từ ngày 21/3/2018, hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Quỳnh Phụ.

(Bị cáo có mặt tại phiên toà)

2- Phạm Văn P, sinh ngày 28/6/2001 tại xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình. Nơi cư trú: Thôn T, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 9/12; D tộc: Kinh; bố đẻ: không rõ, mẹ đẻ: Bà Phạm Thị Ph, sinh năm 1969; vợ, con: chưa có; tiền sự, tiền án: Không.

- Người đại diện hợp pháp cho bị cáo P: Bà Phạm Thị Ph, sinh năm 1969

Nơi cư trú: Thôn T, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình (là mẹ đẻ bị cáo P)

- Người bào chữa cho bị cáo P: Ông Lê Chí Diên - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Thái Bình

(Bị cáo, bà Ph và ông Diên đều có mặt tại phiên toà)

***Người bị hại:**

1. Ông Trần Minh T, sinh năm 1944

Nơi cư trú: Thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình

2. Đền Trần, thôn An Ký Tây, xã Quỳnh Minh, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình

Người đại diện: Ông Nguyễn Thế D, sinh năm 1952- Trưởng ban quản lý đền Trần.

3. Đền Bình Ngọc, thôn Bình Ngọc, xã Quỳnh Hồng, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình

Người đại diện: Ông Nguyễn Trọng V, sinh năm 1950- Trưởng ban quản lý khu di tích đền Bình Ngọc.

4. Chùa Phúc Q, thôn Lương Mỹ, xã Quỳnh Hội, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình

Người đại diện: Ông Nguyễn Văn B (pháp danh: Thích Thanh Nhã), sinh năm 1976- Trụ trì chùa Phúc Q

(Tại phiên toà có mặt ông D, ông V và ông B; vắng mặt ông T)

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Anh Lương Ngọc Q, sinh ngày 30/5/2002

Người đại diện hợp pháp cho anh Q: Ông Lương Ngọc X, sinh năm 1967 và bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1968 (là bố mẹ đẻ anh Q)

Đều cư trú: Thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình

2. Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1962

Nơi cư trú: Tổ ..., thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Bình

3. Anh Cao Như H, sinh năm 1980

Nơi cư trú: Tổ .., thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình

4. Anh Nguyễn Văn M, sinh năm 1964

Nơi cư trú: Thôn B, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình

(Anh Q, ông X, bà V và bà Th có mặt tại phiên toà. Anh H và anh M vắng mặt tại phiên toà)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Quang H, sinh ngày 15/4/2000, nơi cư trú: thôn Ph, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình; Hoàng Minh T, sinh ngày 11/01/2001, nơi cư trú: thôn D1, xã Đ, huyện Q, tỉnh Thái Bình; Phạm Văn P và Lương Ngọc Q, sinh ngày 30/5/2002, nơi cư trú: thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình có mối quan hệ quen biết nhau từ trước qua mạng xã hội facebook sau đó mới quen biết Hoàng Ngọc C. Do không có tiền tiêu xài, trong thời gian từ ngày 01/03/2018 đến ngày 17/03/2018 C, H, T, P, Q đã thực hiện 04 vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện Quỳnh Phụ, cụ thể:

Vụ thứ nhất: Khoảng 23 giờ ngày 31/12/2017, Hoàng Ngọc C sau khi chơi điện tử tại quán điện tử ở thôn Tài Giá, xã Quỳnh H, huyện Quỳnh Phụ đã đi bộ đến nhà ông Vũ Ngọc N sinh năm 1958 ở thôn T, xã Q, huyện Quỳnh Phụ chơi. Trong lúc ngồi chơi, C nhìn qua cửa sổ nhà ông N thấy tại lán xe của gia đình ông Trần Minh T, sinh năm 1944 ở thôn Tài Giá, xã Quỳnh H có một chiếc xe máy điện nhãn hiệu Zerbra màu xanh đen BKS 17MĐ5-009.57. C ngồi chơi đến khoảng 0 giờ ngày 01/01/2018 thì đi bộ về qua nhà ông T thấy cổng nhà ông T có ổ khóa được móc vào then cài cổng NH không khóa, đã tắt điện đi ngủ. Lúc này, C nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe máy điện của ông T, C tháo khóa, rút then cổng rồi mở cổng đi tới chỗ để chiếc xe máy điện BKS 17MĐ5-009.57. Thấy xe máy điện không khóa cổ, chỉ khóa ổ điện, C dong lù chiếc xe ra ra khỏi cổng, đóng cổng cài then và móc khóa lại như cũ rồi dong chiếc xe vừa trộm cắp được đi về xã Quỳnh Hội. Đến khoảng 6 giờ sáng ngày 01/1/2018 C dong xe đến một quán sửa xe ở đường 10 thuộc địa phận huyện Đông H, tỉnh Thái Bình, C không nhớ là quán nào. C bảo chủ quán là một người đàn ông khoảng 40 tuổi không biết tên thay cho ổ khóa điện của xe. C mở cốp xe thì phát hiện trong cốp có giấy đăng ký xe mang tên ông Trần Minh T. C dùng chiếc xe làm phương tiện đi lại đến ngày 04/01/2018, C mang chiếc xe máy điện BKS 17MĐ5-009.57 đến quán cầm đồ của bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1962 ở tổ 8 thị trấn Đông H, huyện Đông H, tỉnh Thái Bình bán chiếc xe cho bà Th với số tiền 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng) NH

không nói cho bà Th biết chiếc xe là do C trộm cắp mà có. C dặn bà Th giữ chiếc xe lại khi nào C có tiền sẽ đến chuộc, số tiền 4.000.000 đồng C đã chi tiêu cá nhân hết. Đến ngày 10/01/2018, do có quan hệ quen biết với anh Cao Như H, sinh năm 1980 ở tổ 7, thị trấn Quỳnh Côi, huyện Quỳnh Phụ, C nhờ anh H sang chuộc lại chiếc xe từ cửa hàng của bà Th nH không nói cho anh H biết là xe do trộm cắp mà có. Anh H đồng ý đi cùng C đến gặp bà Th để chuộc xe lại với số tiền 4.070.000 đồng. Do không có tiền trả anh H nên C bảo anh H bán hộ chiếc xe lấy tiền trả anh H. Sau khi bị mất xe, ông T đi tìm và nhìn thấy chiếc xe máy điện của ông ở cửa hàng xe đạp điện của anh H, ông đã trình báo lên cơ quan Công an. Sau khi được cơ quan Công an cho biết chiếc xe là tài sản do C trộm cắp mà có, anh H đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra cùng đăng ký xe. Anh H yêu cầu C trả cho anh số tiền 4.070.000 đồng anh đã bỏ ra để chuộc xe. Kết quả định giá tài sản: Chiếc xe máy điện nhãn hiệu Zebra màu xanh đen BKS 17MD5-009.57 mà C trộm cắp của ông T trị giá 6.000.000 đồng. Ngày 15/4/2018 Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe máy điện cùng đăng ký xe cho ông T. Sau khi nhận lại tài sản, ông T không yêu cầu C phải bồi thường khoản tiền nào.

Vụ thứ hai: C ngày 01/03/2018 T rủ H, C đi chợ Cầu, xã Quỳnh Ngọc, huyện Quỳnh Phụ mua công cụ để đêm đi trộm cắp tài sản trong các đình chùa. T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Loncin (kiểu dáng giống xe Honda Dream) BKS 17F6-0789 do Q mượn của chị gái là Lương Thị Th, sinh năm 1989 trú tại thôn A, xã Q, huyện Quỳnh Phụ chở C, H đến khu vực chợ Cầu, xã Quỳnh Ngọc để H mua: 01 kìm cộng lực, 01 kìm cắt, 01 tô vít, 01 xà cày, 01 búa, 1 kéo, 1 dao phay, 1 dao gấp, 8 dao nhỏ (loại dao gọt hoa quả). C, T, H cất toàn bộ các công cụ này vào 01 ba lô (của Q) giấu ở khu vực cầu chui đường Thái Hà ở thôn Tiên Cầu, xã Quỳnh Trang, huyện Quỳnh Phụ. Sáng ngày 2/3/2018 C, T, H, P, Q đến nhà nghỉ Đ1 ở thôn B, xã Q, huyện Q thuê 2 phòng 309, 311. Khoảng 15 giờ ngày 02/03/2018 T rủ P, Q đi đến đền Trần, thôn An Ký Tây, xã Quỳnh Minh để quan sát vị trí tường, cửa, cổng, các hòm công đức để đêm đi trộm cắp tài sản rồi quay lại nhà nghỉ Đạt Dương 1. Khoảng 21 giờ cùng ngày, tại phòng 309, T nói với C, H, P, Q “Đêm nay đi lấy ở chùa Quỳnh Minh được”. C bảo “Đi cẩn thận đấy nhé, tiền lấy được còn túi xách đựng đồ để lại gần đó lấy sau”. Khoảng 21 giờ 30 ngày 2/3/2018, C đi đến nhà nghỉ Lan Anh của Nguyễn Văn M, sinh năm 1964 ở thôn Bình Ngọc, xã Quỳnh Hồng, huyện Quỳnh Phụ chơi với M. Khoảng 23 giờ 30 ngày 2/3/2018, T điều khiển xe mô tô BKS 17F6-0789 chở P, Q, H đi đến khu vực cầu chui Thái Hà lấy ba lô đựng công cụ rồi đi đến khu vực đường bê tông gần đền Trần ở thôn An Ký Tây, xã Quỳnh Minh. T, P, Q, H để xe mô tô ở đường bê tông cách đền khoảng 50m rồi tắt cả trèo qua tường bao vào trong. Đến điện thờ Quan Âm, P, H đứng ngoài cảnh giới, T, Q vào trong điện phát hiện thấy hòm công đức bằng gỗ đặt ở bên trái ban thờ ở giữa tính từ ngoài nhìn vào có chốt gắn với nền nhà, T, Q dùng tay bật ốc vít của chiếc hòm công đức rồi khênh và ném qua tường bao ra ngoài. T, Q quay lại gặp P, H ở khu vực sân đền. Cả 4 đi lên đền thờ chính. Q đứng ngoài cửa cảnh

giới; T, P, H mở cửa lách (không khóa) đi vào bên trong. H, P phát hiện 01 hòm công đức bằng gỗ cũng được gắn chốt với nền nhà nên dùng tay bật chốt hòm rồi khênh hòm ra ngoài ném qua tường bao ở vị trí chiếc hòm thứ nhất. Còn T lấy xà cày trong ba lô Q đeo, cạy 01 hòm công đức khác trong cung cấm của đền thờ chính, bên trong có khoảng 50.000 đồng tiền lẻ, T không lấy. T đi ra ngoài lấy trên bàn thờ 03 thanh kiếm bằng kim loại, loại kiếm để trang trí, vỏ kiếm và tay cầm đều bằng kim loại màu vàng được chạm trổ rồng phượng, C dài mỗi thanh lần lượt là 76 cm- 88 cm- 103 cm. T cầm 3 thanh kiếm và cùng P, H, Q trèo qua tường bao ra ngoài khênh hai hòm công đức và 3 thanh kiếm ra chỗ để xe mô tô. T dùng xà cày cạy mép 1 hòm công đức ra thì thấy bên trong có nhiều tờ tiền mệnh giá từ 1000 đồng đến 500.000 đồng và 18 cái phong bì. T, P lấy tiền trong hòm công đức và xé 18 cái phong bì lấy toàn bộ tiền cho vào ba lô của Q. Sau đó, T dùng xe mô tô chở hòm công đức còn lại và 3 thanh kiếm lên một cái cầu cách đền khoảng 800 mét rồi quay lại đón H, P, Q lên. Tại đây, T dùng xà cày cạy mép hòm công đức ra lấy toàn bộ số tiền bên trong cho vào ba lô của Q. T vứt 3 vỏ bao kiếm xuống nương còn 3 lưỡi kiếm giấu ở mé nương. Sau đó cả 4 đi về nhà nghỉ Đạt Dương. Tại phòng 309, T, P, H, Q bỏ toàn bộ tiền vừa trộm cắp được ra đếm được 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng), trong đó có 8.000.000 đồng tiền chẵn và 2.000.000 đồng tiền lẻ. T, P, H, Q chia nhau mỗi người được 2.500.000 đồng chi tiêu cá nhân hết. Đến khoảng 16 giờ ngày 4/3/2018, C gọi T, P, H, Q đến nhà nghỉ Lan Anh của Nguyễn Văn M chơi. Tại nhà nghỉ Lan Anh, T đưa cho C 2.000.000đ và bảo “Tiền lấy được ở đền Trần, anh cầm lấy” nH C không lấy. T nói với C vẫn để 3 thanh kiếm ở khu vực mé bờ sông Quỳnh Minh. C bảo ra lấy mang về dùng. Khoảng 4 giờ ngày 5/3/2018 H, Q quay lại khu vực bờ sông Quỳnh Minh lấy 03 thanh kiếm mang về đưa cho M (Chủ nhà nghỉ) nH không nói cho M biết về việc trộm cắp tài sản. Ngày 17/03/2018 sau khi được Cơ quan điều tra thông báo 3 thanh kiếm là vật chứng của vụ án trộm cắp tài sản, M đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra. Ngày 23/3/2018 cơ quan điều tra đã truy tìm và quản lý được 3 vỏ bao kiếm mà T vứt xuống nương nước ở thôn An Ký Tây, xã Quỳnh Minh; quản lý được 2 hòm công đức bằng gỗ đã bị cạy phá. Kết quả định giá tài sản 3 thanh kiếm trị giá 5.100.000 đồng.

Đối với số tiền công đức 10.000.000 đồng không thu hồi được, ông Nguyễn Thế D đại diện cho đền Trần yêu cầu các bị cáo và người liên quan phải liên đới bồi thường cho đền Trần. Ngày 7/5/2018, P và Q đã bồi thường mỗi người số tiền 2.500.000 đồng cho đền Trần. Ông D đã nhận đủ số tiền 5.000.000 đồng, số tiền còn lại ông yêu cầu tiếp tục bồi thường. Đối với 02 hòm công đức bằng gỗ, 3 thanh kiếm cùng 3 vỏ bao kiếm, ngày 8/5/2018 Cơ quan điều tra đã trả lại cho đền Trần. Do 2 hòm công đức bằng gỗ chỉ bị hư hỏng nhẹ nên ông D tự sửa chữa và không yêu cầu bồi thường khoản tiền nào khác.

Vụ thứ ba: Khoảng 23 giờ ngày 13/3/2018, tại phòng 309 nhà nghỉ Đạt Dương 1 ở thôn Bình Minh, xã Quỳnh Xá, huyện Quỳnh Phụ do H thuê, trong khi Q đang ngủ, P rủ C, T, H đi trộm cắp tài sản tại các đền chùa được cả 3 đồng ý. Khoảng 23 giờ 30 phút cùng ngày, P điều khiển xe mô tô BKS 17F6-0789 chở C, T, H mang theo ba lô bên trong đựng các công cụ để đi trộm cắp tài sản theo hướng Quỳnh Xá – Quỳnh H – Quỳnh Côi – Quỳnh Hồng. Khi đi đến cổng khu di tích lịch sử đền Bình Ngọc, thôn Bình Ngọc, xã Quỳnh Hồng, huyện Quỳnh Phụ, P dừng xe cách đền khoảng 500m đứng canh giới còn C, T, H trèo qua tường bao cao 1,5 mét vào bên trong. Cả ba đi đến đền Mẫu, C dùng xà cạy làm bung khuy cửa, thấy có một hòm công đức bằng sắt đặt ở gian ngoài, H dùng tay rút chốt hòm làm tiền công đức trong hòm rơi ra, C lấy toàn bộ các tờ tiền mệnh giá từ 5.000 đồng đến 100.000 đồng bỏ vào ba lô T đeo. C, T, H tiếp tục đi vào gian trong của đền Mẫu thấy có hai hòm công đức bằng kính, khung bằng nhôm. C dùng tô vít cạy làm bung cánh cửa hòm ra, C nhặt các tờ tiền mệnh giá từ 5.000 đồng đến 20.000 đồng bỏ vào ba lô. C, T, H tiếp tục đi xuống Miếu, thấy chốt cửa bị hỏng, C đẩy cửa đi vào phát hiện có 01 hòm công đức bằng sắt có chốt gắn với nền nhà, C rút chốt mở hòm, T lấy các tờ tiền mệnh giá từ 5.000 đồng đến 20.000 đồng bỏ vào ba lô. C, T, H tiếp tục đi vào chùa, cửa chùa bị hỏng, phát hiện thấy trong chùa có một hòm công đức bằng sắt có chốt, T rút chốt hòm ra nh bên trong không có tiền. C, T, H trèo qua tường bao ra ngoài đi tới chỗ P đứng đợi. P điều khiển xe chở C, T, H đi qua cầu Hiệp (xã Quỳnh Giao) sang địa phận huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương để tiếp tục trộm cắp tài sản nh không tìm được đền, chùa nào nên cả 4 về nhà nghỉ Đạt Dương 1. P, T lấy tiền ra đếm được 1.400.000 đồng. Số tiền này T cầm chi tiêu ăn uống cho C, H, T, P hết. Khi về đến nhà nghỉ vào khoảng 01 giờ ngày 14/3/2018 thì Q vẫn ngủ, không biết gì về việc C, T, H, P vừa đi trộm cắp tài sản về.

Cơ quan điều tra đã quản lý được 03 hòm công đức bằng sắt, 02 hòm công đức bằng nhôm - kính. Ông Nguyễn Trọng V là trưởng ban quản lý khu di tích lịch sử đền Bình Ngọc, xã Quỳnh Hồng, huyện Quỳnh Phụ đại diện cho đền yêu cầu các bị cáo phải bồi thường cho đền số tiền 1.400.000 đồng. Ngày 7/5/2018, P đã bồi thường cho đền Bình Ngọc số tiền là 350.000 đồng. Ông V đã nhận đủ số tiền 350.000 đồng của P. Ông V yêu cầu các bị cáo và người liên quan tiếp tục bồi thường cho đền Bình Ngọc số tiền còn lại. Đối với 03 hòm công đức bằng sắt và 02 hòm công đức bằng kính chỉ bị hư hỏng nhẹ, cơ quan điều tra đã trả lại cho đền, ông V đại diện cho đền đã nhận lại để tiếp tục sử dụng và không yêu cầu bồi thường.

Vụ thứ tư: Khoảng 23 giờ 30 phút ngày 16/3/2018 P, C, Q, H, T đang ở phòng trọ do H thuê của nhà chị Nguyễn Thị G, sinh năm 1974 ở thôn H, xã Q thì P nói với C, Q, T, H “tối nay có đi không?”, ý P rủ C, H, T, Q đi trộm cắp tài sản tại đền, chùa thì T bảo với Q “nay tao mệt không đi”, sau đó T nằm ngủ. H đeo ba lô đựng công cụ, P đeo 1 túi xách (của P) để đựng tài sản trộm cắp được. P điều khiển xe mô tô BKS

17F6-0789 chở C, Q, H đi từ Quỳnh Mỹ sang Quỳnh Côi - Quỳnh H - Quỳnh Hội. Khi đến chùa Phúc Q thuộc thôn Lương Mỹ, xã Quỳnh Hội, P dừng xe. P, C, H xuống xe còn Q điều khiển xe đi về hướng xã An Vinh cách chùa khoảng 300m đứng canh giới. P, C, H đi qua cổng (Không có cửa cổng) đến ngôi điện chính, thấy cửa chính chốt trong, cửa lách có khóa. C, H lấy kim cắt phần móc khóa của ổ khóa ra, mở cửa đi vào trong. Thấy có lắp camera P bảo: “camera anh ơi”. C tìm công tắc tắt điện, H ra ngoài cửa lách canh giới. P, C dùng đèn pin của điện thoại của C soi, phát hiện 01 kết sắt nhãn hiệu Thành Lộc (loại không có mã số) ở giữa ban tam bảo, P, C dùng tô vít, dao phay cạy mở kết sắt thấy bên trong có nhiều tờ tiền lẻ mệnh giá từ 500 đồng đến 20.000 đồng; P, C lấy các tờ tiền mệnh giá từ 5.000 đồng đến 20.000 đồng bỏ vào trong túi đeo của P. Tiếp đó C, P dùng tô vít, dao phay cạy hòm công đức bằng tôn ở phía trái giáp ban tam bảo theo hướng cửa chính vào lấy các tờ tiền mệnh giá từ 5.000 đồng đến 50.000 đồng bỏ vào trong túi đeo của P. P, C tiếp tục dùng dao, tô vít cạy 01 kết sắt nhãn hiệu Thành Lộc (loại không có mã số) ở ban thờ bên trái từ cửa vào lấy đi số tiền 15.000 đồng bỏ vào trong túi đeo của P. Tiếp đó, C mở tủ gỗ để ở cạnh ban tam bảo hướng bên phải tính từ cửa chính đi vào thì thấy trong tủ có quần áo; có 01 phong bì bên trong có 100.000 đồng và 01 tập tiền trong đó có các loại mệnh giá 500 đồng đến 2.000 đồng. C đưa cho H tập tiền lẻ bỏ vào túi đeo còn 100.000 đồng C cầm. Thấy đầu thu camera để ở phía trên bên phải gần cửa chính đi vào; P, C khiêng bàn ra chỗ để đầu thu camera. C trèo lên xóa nH không xóa được. C rút đầu thu camera nhãn hiệu HD-P10 màu đen và cục phát wifi nhãn hiệu VNPT màu trắng bỏ vào trong ba lô H đeo. C, H, P tiếp tục đi xuống gian nhà tổ thấy có 01 kết sắt nhãn hiệu Việt Tiệp. P, C, H khiêng kết sắt ra bên ngoài mé trái nhà tổ và dùng dao, tô vít cạy kết sắt nH bên trong không có tiền. C, H, P đi ra ngoài, C gọi điện cho Q quay lại đón rồi cả 4 đi về nhà trọ tại xã Quỳnh Mỹ, trên đường về C, Q làm rơi điện thoại ở đâu không rõ. Lúc này T vẫn ngủ, Q, P, C bỏ tiền vừa trộm cắp được ra đếm được tất cả 1.200.000 đồng, C cầm chi tiêu chung cho C, H, P, Q hết. Đến 10 giờ ngày 17/03/2018 H dậy lấy đầu thu camera ra tháo rời từng bộ phận ra. C ngày 17/3/2018 Cơ quan điều tra đã triệu tập C, H, P, Q lên làm việc, cả 4 đã khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản. Cơ quan điều tra đã quản lý được: 01 xe mô tô nhãn hiệu Loncin BKS 17F6-0789; 1 ba lô bên trong có: 01 kim cộng lực; 01 kim điện; 01 con dao phay; 01 dao gấp; 08 con dao nhỏ; 01 đầu thu camera nhãn hiệu HD-P10 đã bị tháo rời các bộ phận; 01 đầu phát WIFI nhãn hiệu VNPT. Quản lý của chùa Phúc Q: 01 hòm công đức bằng tôn; 03 kết sắt. Đối với 01 xà cày, 01 kéo, 01 tô vít, 01 búa là những công cụ các bị can C, H, T, P và Q sử dụng để đi trộm cắp tài sản, C, H, T, P, Q đánh rơi ở đâu không rõ nên Cơ quan điều tra không quản lý được.

Kết quả định giá tài sản như sau: 01 đầu thu camera nhãn hiệu HD-P10 trị giá 5.400.000 đồng, 01 đầu phát WIFI nhãn hiệu VNPT trị giá 600.000 đồng. Tổng trị giá tài sản mà C, H, P, Q đã trộm cắp là 7.200.000 đồng. Do chiếc đầu thu camera nhãn

hiệu HD-P10 trị giá 5.400.000 đồng đã bị tháo rời không thể khắc phục sửa chữa để sử dụng được, số tiền công đức bị trộm cắp là 1.200.000 đồng không thu hồi được nên Ông Nguyễn Văn B là trụ trì chùa Phúc Q yêu cầu các bị cáo phải liên đới bồi thường số tiền 6.600.000 đồng cho chùa. Ngày 7/5/2018 P, Q và gia đình đã bồi thường mỗi người là 1.650.000 đồng cho chùa Phúc Q. Ông Nguyễn Văn B đã nhận đủ số tiền 3.300.000 đồng của P, Q. Số tiền còn lại 3.300.000 đồng, ông Bình yêu cầu các bị cáo phải liên đới bồi thường cho chùa. Đối với chiếc đầu phát Wifi, 01 hòm công đức bằng tôn, 03 kết sắt cơ quan điều tra đã trả lại cho chùa Phúc Q. Do 01 hòm công đức bằng tôn và 03 kết sắt chỉ bị hư hỏng nhẹ nên ông Bình tự sửa chữa để tiếp tục sử dụng và không yêu cầu bồi thường.

Lương Ngọc Q thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản, tổng trị giá tài sản bị chiếm đoạt là 22.300.000 đồng. Tội phạm mà Q thực hiện là tội ít nghiêm trọng, Q chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự nên Cơ quan điều tra Công an huyện Quỳnh Phụ đã xử phạt vi phạm hành chính đối với Q bằng hình thức cảnh cáo.

Đối với hành vi trộm cắp tài sản tại đền Bình Ngọc, thuộc thôn Bình Ngọc, xã Quỳnh Hồng, huyện Quỳnh Phụ vào rạng sáng ngày 14/3/2018 của Phạm Văn P do trị giá tài sản dưới 2 triệu đồng nên Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền đối với P.

Đối với anh Nguyễn Văn M, sinh năm 1964 ở thôn Bình Ngọc, xã Quỳnh Hồng, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình; bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1962, trú tại tổ 8 thị trấn Đông H, huyện Đông H, tỉnh Thái Bình; anh Cao Như H, sinh năm 1980 ở tổ 7, thị trấn Quỳnh Côi, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình qua điều tra xác định anh M, bà Th, anh H không biết về hành vi trộm cắp tài sản của Hoàng Ngọc C, Nguyễn Quang H, Phạm Văn P, Hoàng Minh T, Lương Ngọc Q nên Cơ quan điều tra không xử lý đối với hành vi của anh M, bà Th, anh H.

Bản cáo trạng số 53/CT-VKSQP ngày 05 tháng 6 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân D huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình đã truy tố Hoàng Ngọc C và Phạm Văn P về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Quá trình điều tra và tại phiên toà, các bị cáo Hoàng Ngọc C, Phạm Văn P đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng đã truy tố. Do đó, Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Hoàng Ngọc C, Phạm Văn P phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm g, h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 50, 58, 38 Bộ luật hình sự, Xử phạt Hoàng Ngọc C từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 50, 58, 90, 91, 101 Bộ luật hình sự, xử phạt Phạm Văn P từ 06 đến 09 tháng tù.

Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự, đề nghị phạt bổ sung Hoàng Ngọc C số tiền từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng để sung quỹ nhà nước. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với Phạm Văn P vì bị cáo là người chưa thành niên phạm tội.

Về trách nhiệm D sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự, các Điều 584, 585, 586, 587, 589 và Điều 288 Bộ luật D sự: Buộc các bị cáo C, P; người đại diện hợp pháp cho bị cáo P; anh Q và người đại diện hợp pháp cho anh Q phải liên đới bồi thường toàn bộ thiệt hại trong vụ án do hành vi phạm tội gây ra.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: đề nghị tịch thu tiêu huỷ 01 ba lô đã cũ; tịch thu hoá giá sung quỹ nhà nước: 01 kim cộng lực, 01 kim điện, 01 dao phay, 01 dao gấp, 08 dao nhỏ.

Các bị cáo và người đại diện hợp pháp cho bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và D sự sơ thẩm; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người đại diện hợp pháp của họ có nghĩa vụ bồi thường phải chịu án phí D sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên toà, các bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản và xin giảm nhẹ hình phạt. Người đại diện hợp pháp và người bào chữa cho bị cáo P đều có ý kiến thừa nhận hành vi phạm tội của bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo P vì bị cáo là người chưa thành niên còn hạn chế trong suy nghĩ và khả năng nhận thức chưa đầy đủ.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Quỳnh phụ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân D huyện Quỳnh Phụ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên toà, các bị cáo, người đại diện hợp pháp và người bào chữa cho bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Các bị cáo đã có hành vi sau: Trong thời gian từ ngày 01/01/2018 đến ngày 17/03/2018 Hoàng Ngọc C, Nguyễn Quang H, Hoàng Minh T, Phạm Văn P và Lương Ngọc Q đã thực hiện 04 vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện Quỳnh Phụ để lấy tiền tiêu xài. Trong đó Hoàng Ngọc C thực hiện 04 vụ trộm cắp tài sản, tổng trị giá tài sản bị chiếm đoạt là 29.700.000 đồng. Nguyễn Quang H thực hiện 03 vụ trộm cắp tài sản, tổng trị giá tài sản bị chiếm đoạt là 23.700.000 đồng. Phạm Văn P thực hiện 02 vụ trộm

cấp tài sản, tổng trị giá tài sản bị chiếm đoạt là 22.300.000 đồng. Hoàng Minh T thực hiện 01 vụ trộm cắp tài sản, tổng trị giá tài sản bị chiếm đoạt là 15.100.000 đồng.

Sau khi khởi tố bị can, Nguyễn Quang H và Phạm Minh T đã bỏ trốn. Ngày 9/5/2018 Cơ quan điều tra đã ra các quyết định truy nã đối với H và T. Ngày 21/5/2018 do đã hết thời hạn điều tra, Cơ quan điều tra đã ra Quyết định tách vụ án, ra các quyết định tạm đình chỉ điều tra vụ án, bị can đối với Nguyễn Quang H và Hoàng Minh T, khi nào bắt được H, T sẽ xử lý sau.

Lời khai nhận tội của các bị cáo C, P tại phiên toà phù hợp với nội dung bản cáo trạng và được chứng minh bằng các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án như: Biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu; sơ đồ hiện trường và biên bản khám nghiệm hiện trường; bản kết luận định giá tài sản; lời khai của người bị hại và toàn bộ tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, các bị cáo Hoàng Ngọc C, Phạm Văn P đã phạm tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự có khung hình phạt: cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.

Đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Hành vi trộm cắp tài sản của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, các bị cáo đã rủ rê nhau cùng thực hiện hành vi phạm tội. Giữ vai trò, mức độ cao nhất trong vụ án là bị cáo Hoàng Ngọc C. Bị cáo C là người có nhân thân rất xấu; đã nhiều bị áp dụng biện pháp hành chính đưa đi trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục và nhiều lần bị Toà án các cấp xét xử về các tội danh xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác. Sau khi chấp hành xong hình phạt tù của mỗi bản án, bị cáo lại tiếp tục phạm tội và hiện đang có 01 tiền án về tội cắp tài sản. Bị cáo đã không tự cải tạo, rèn luyện được bản thân mà liên tục phạm tội trong nhiều năm. Lần phạm tội này, bị cáo đã trực tiếp một mình trộm cắp 01 vụ và cùng đồng phạm thực hiện 03 vụ trộm cắp tài sản, tổng trị giá tài sản bị cáo chiếm đoạt là 29.700.000 đồng. Chính vì vậy, cần lên mức án nghiêm khắc, cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội để cải tạo, giáo dục bị cáo.

Bị cáo Phạm Văn P mặc dù là người chưa thành niên NH bị cáo giữ vai trò là người trực tiếp rủ rê và cùng các đồng phạm thực hiện 02 hành vi trộm cắp tài sản bị truy tố với tổng trị giá tài sản chiếm đoạt là 22.300.000 đồng. Bản thân bị cáo chưa có tiền án, tiền sự NH bị cáo thường xuyên giao du với các đối tượng có tiền án, tiền sự; có đối tượng đã từng bị Toà án xét xử khi còn ở độ tuổi vị thành niên NH sau đó lại tiếp tục phạm tội. Bị cáo P chưa đủ 18 tuổi NH đã thể hiện sự liều lĩnh, ý thức coi thường pháp luật khi thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, cần thiết phải cách ly bị cáo P khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mới đảm bảo được hiệu quả giáo dục, phòng ngừa đối với bị cáo. Bị cáo P phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi nên bị cáo được hưởng mức

án nhẹ hơn mức án áp dụng đối với người đủ 18 tuổi trở lên phạm tội tương ứng với thời hạn thích hợp ngắn nhất.

[3] Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo, thấy: Bị cáo C hiện có 01 tiền án nhưng vẫn tiếp tục thực hiện 04 vụ trộm cắp tài sản nên bị cáo bị áp dụng 02 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội 02 lần trở lên” và “Tái phạm” quy định tại các điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Bị cáo P thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản nên bị áp dụng 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội 02 lần trở lên” theo điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên toà, các bị cáo đều thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội; những đại diện bị hại có mặt tại phiên toà đều có ý kiến không đồng tình với hành vi trộm cắp nhiều lần của các bị cáo tại nơi đền, chùa linh thiêng nhưng vẫn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Do đó, các bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo P và người đại diện hợp pháp cho bị cáo P đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho các bị hại nên bị cáo P được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[4] Về hình phạt bổ sung, theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự quy định “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”. Bị cáo C đã nhiều lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản để thoả mãn nhu cầu chi tiêu cá nhân nên cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo C như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp. Bị cáo P là người chưa thành niên phạm tội nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo P.

[5] Về trách nhiệm D sự: Căn cứ yêu cầu bồi thường thiệt hại của bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cũng như trách nhiệm bồi thường của các bị cáo, người đại diện hợp pháp cho bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người đại diện hợp pháp của họ thấy: Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, các bị cáo C, P và người đại diện hợp pháp cho bị cáo P; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Q cùng đại diện hợp pháp cho anh Q có trách nhiệm bồi thường toàn bộ thiệt hại phát sinh trong vụ án, mặc dù thiệt hại do cả những đồng phạm đang bỏ trốn gây ra cho bị hại. Đối với trách nhiệm liên đới bồi thường của các đồng phạm bỏ trốn thì các bị cáo, người đại diện hợp pháp cho bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Q cùng đại diện hợp pháp cho anh Q nếu có yêu cầu các đồng phạm bỏ trốn hoàn trả thì sẽ giải quyết bằng vụ án D sự khác. Cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Bị cáo Hoàng Ngọc C phải bồi hoàn lại cho anh Cao Như H số tiền 4.070.000 đồng.

Vụ thứ hai: T, H đã bỏ trốn nên các bị cáo C, P và người đại diện hợp pháp cho bị cáo P; anh Q cùng đại diện hợp pháp cho anh Q phải liên đới bồi thường cho đền Trần, thôn An Ký Tây, xã Quỳnh Minh, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình theo tỷ phần là 3.333.000 đồng. Bị cáo P và người đại diện hợp pháp cho bị cáo P;

anh Q cùng đại diện hợp pháp cho anh Q đều đã bồi thường số tiền là 2.500.000 đồng nên còn phải bồi thường tiếp số tiền còn lại theo kỷ phần là 833.000 đồng.

Vụ thứ ba: Bị cáo P tuy không bị truy tố do tài sản trộm cắp dưới 02 triệu đồng nên P có liên quan trực tiếp đến hành vi trộm cắp tài sản nên bị cáo P và người đại diện hợp pháp cho bị cáo P phải có trách nhiệm bồi thường. T, H đã bỏ trốn nên các bị cáo C, P phải liên đới bồi thường. Bị cáo P và người đại diện hợp pháp cho bị cáo P đã tự nguyện bồi thường 350.000 đồng nên còn phải bồi thường tiếp số tiền 350.000 đồng. Bị cáo C phải bồi thường cho đền Bình Ngọc, thôn Bình Ngọc, xã Quỳnh Hồng, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình số tiền là 700.000 đồng.

Vụ thứ tư: H đã bỏ trốn nên bị cáo C, P và người đại diện hợp pháp cho bị cáo P; anh Q cùng đại diện hợp pháp cho anh Q phải liên đới bồi thường cho chùa Phúc Q, thôn Lương Mỹ, xã Quỳnh Hội, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình theo kỷ phần là 2.200.000 đồng. Bị cáo P và người đại diện hợp pháp cho bị cáo P; anh Q cùng đại diện hợp pháp cho anh Q đều đã bồi thường số tiền là 1.650.000 đồng nên còn phải bồi thường tiếp số tiền còn lại theo kỷ phần là 550.000 đồng.

Tổng cộng: Bị cáo C phải bồi thường tổng số tiền là: 10.303.000 đồng; Bị cáo P và người đại diện hợp pháp cho bị cáo P phải bồi thường tổng số tiền còn lại theo kỷ phần là 1.733.000 đồng; Anh Q cùng đại diện hợp pháp cho anh Q còn phải bồi thường tổng số tiền còn lại theo kỷ phần là 1.383.000 đồng.

Người bị hại là ông Trần Minh T đã nhận lại tài sản là chiếc xe máy điện do bị cáo C trộm cắp và không có yêu cầu bồi thường gì đối với bị cáo C.

[6] Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra đã thu giữ vật chứng là những công cụ phạm tội gồm: 01 ba lô đã cũ, 01 kim cộng lực, 01 kim điện, 01 dao phay, 01 dao gấp, 08 dao nhỏ. Chiếc ba lô không có giá trị sử dụng, cần tịch thu tiêu hủy; các vật chứng còn lại vẫn có giá trị sử dụng nên tịch thu hoá giá sung quỹ nhà nước là phù hợp với quy định tại Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Loncin, BKS 17F6-0789 mà C, H, T, P, Q sử dụng để làm phương tiện đi trộm cắp tài sản, qua điều tra xác định chiếc xe đăng ký tên chị Vũ Thị T, sinh năm 1982 ở số nhà 5, tổ, phường K, thành phố T, tỉnh Thái Bình. Ngày 15/11/2015 chị T đã bán chiếc xe cho chị Lương Thị Th là chị gái của Lương Ngọc Q, việc Q mượn xe sau đó cùng đồng bọn đi trộm cắp tài sản chị Th không biết. Tuy nhiên, việc mua bán xe giữa chị T và chị Th chưa đầy đủ thủ tục theo quy định nên Cơ quan điều tra Công an huyện Quỳnh Phụ đã tách chiếc xe để xử lý sau là phù hợp.

[7] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm; anh Q cùng người đại diện hợp pháp cho anh Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- **Tuyên bố:** Các bị cáo **Hoàng Ngọc C, Phạm Văn P** phạm tội **“Trộm cắp tài sản”**.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm g, h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 50, 58, 38 Bộ luật hình sự,

Xử phạt bị cáo Hoàng Ngọc C **02 (Hai) năm tù**. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 21/3/2018.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 50, 58, 90, 91, 101 Bộ luật hình sự,

Xử phạt bị cáo Phạm Văn P **06 (Sáu) tháng tù**. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- **Về hình phạt bổ sung:** Áp dụng khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự,

Phạt bổ sung bị cáo Hoàng Ngọc C số tiền **5.000.000 đồng** (Năm triệu đồng) để sung quỹ nhà nước.

- **Về trách nhiệm dân sự:** Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự, các Điều 584, 585, 586, 587, 589 và Điều 288 Bộ luật dân sự,

+ Buộc bị cáo Hoàng Ngọc C phải bồi hoàn lại cho anh Cao Như H số tiền **4.070.000 đồng** (Bốn triệu không trăm bảy mươi nghìn đồng); bồi thường cho đền Trần, thôn An Ký Tây, xã Quỳnh Minh, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình theo kỷ phần là **3.333.000 đồng** (Ba triệu ba trăm ba mươi ba nghìn đồng); bồi thường cho đền Bình Ngọc, thôn Bình Ngọc, xã Quỳnh Hồng, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình số tiền là **700.000 đồng** (Bảy trăm nghìn đồng); bồi thường cho chùa Phúc Q, thôn Lương Mỹ, xã Quỳnh Hội, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình số tiền theo kỷ phần là **2.200.000 đồng** (Hai triệu hai trăm nghìn đồng). Tổng cộng bị cáo Hoàng Ngọc C phải bồi thường số tiền là **10.303.000 đồng** (Mười triệu ba trăm linh ba nghìn đồng).

+ Buộc bị cáo Phạm Văn P và người đại diện hợp pháp cho bị cáo P là bà Phạm Thị Ph phải bồi thường cho đền Trần, thôn An Ký Tây, xã Quỳnh Minh, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình số tiền còn lại theo kỷ phần là **833.000 đồng** (Tám trăm ba mươi ba nghìn đồng); bồi thường cho đền Bình Ngọc, thôn Bình Ngọc, xã Quỳnh Hồng, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình số tiền là **350.000 đồng** (Ba trăm năm mươi nghìn đồng); bồi thường cho chùa Phúc Q, thôn Lương Mỹ, xã Quỳnh Hội, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình số tiền còn lại theo kỷ phần là **550.000 đồng** (Năm trăm năm mươi nghìn đồng). Tổng cộng bị cáo P và người đại diện hợp pháp cho bị cáo P phải bồi thường số tiền là **1.733.000 đồng**.

+ Buộc anh Lương Ngọc Q cùng đại diện hợp pháp cho anh Q là Ông Lương Ngọc X và bà Nguyễn Thị V phải bồi thường cho đền Trần, thôn An Ký Tây, xã

Quỳnh Minh, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình số tiền còn lại theo kỷ phần là **833.000 đồng** (Tám trăm ba mươi ba nghìn đồng); bồi thường cho chùa Phúc Q, thôn Lương Mỹ, xã Quỳnh Hội, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình số tiền còn lại theo kỷ phần là **550.000 đồng** (Năm trăm năm mươi nghìn đồng). Tổng cộng anh Lương Ngọc Q cùng đại diện hợp pháp cho anh Q phải bồi thường số tiền là **1.383.000 đồng**.

Kể từ ngày người có đơn yêu cầu thi hành án hợp lệ, nếu các bị cáo, người đại diện hợp pháp cho bị cáo P, anh Lương Ngọc Q cùng đại diện hợp pháp cho anh Q không thi hành khoản tiền trên, thì còn phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật D sự.

Trở lại hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự,

Tịch thu tiêu huỷ 01 chiếc ba lô đã cũ. Tịch thu hoá giá sung quỹ nhà nước gồm: 01 kim cộng lực, 01 kim điện, 01 dao phay, 01 dao gập, 08 dao nhỏ.

Vật chứng trên đang được chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng giữa cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện và chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình ngày 06/6/2018

- Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án,

Bị cáo Hoàng Ngọc C phải nộp **200.000 đồng** (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm và **515.000 đồng** (Năm trăm mười lăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo Phạm Văn P và người đại diện hợp pháp cho bị cáo P là bà Phạm Thị Phương phải nộp **200.000 đồng** (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm và **300.000 đồng** (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Lương Ngọc Q cùng đại diện hợp pháp cho anh Q là Ông Lương Ngọc X và bà Nguyễn Thị V phải nộp **300.000 đồng** (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Các bị cáo; người đại diện hợp pháp và người bào chữa cho bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người đại diện hợp pháp của họ có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án. Người

bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày niêm yết hoặc tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND huyện Quỳnh Phụ;
- Công an huyện Quỳnh Phụ;
- Chi cục THADS H.Quỳnh Phụ;
- Người TGTG khác;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thế Hùng